

Bản án số: 307/2019/DS-PT

Ngày: 18-11-2019

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 239/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Cẩm N1, sinh năm 1965. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Từ Kim Phụng, Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn, Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà N2: Ông Lê Thanh B, sinh năm 1968, (văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

Bà Cao Thị L, sinh năm 1968. Cư trú tại: Ấp Thuận Long, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Quách Cẩm N1 – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của bà Quách Cẩm N1 thể hiện:*

Vào ngày 25/01/2017 bà có tham gia 01 phần của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng do bà Cao Thị L mở; đồng thời bà tham gia 01 phần trong dây hụi loại 5.000.000 đồng/tháng do ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị N2 mở vào ngày 25/01/2017. Do bà L kêu được 10 phần không đủ mở dây hụi nên thỏa thuận với ông B, bà nhập chung các phần hụi này vào dây hụi do ông B, bà N2 mở.

Khi tham gia dây hụi của bà L thì bà L gom tiền của bà để giao lại cho ông B, bà N2 (việc bà L giao nhận cho ông B như thế nào thì bà không biết). Khi đóng được 15 lần (số tiền đóng bình quân khoảng 4.000.000 đồng/lần) thì bà L cùng bà giáp mặt với ông B thỏa thuận giao phần hụi của bà đã tham gia của bà L cho ông B, bà N2 đi gom, với điều kiện khi hốt hụi giữ lại 10.000.000 đồng để trừ tiền hụi còn thiếu bà L (vấn đề này được ông B, bà N2 đồng ý) nhưng không lập biên bản. Do ông B thay đổi, không đồng ý gom phần hụi sống bà L giao lại mà chỉ gom tiền đối với phần hụi chết bà tham gia của ông B nên xảy ra tranh chấp và bà cũng không đóng tiền hụi chết cho ông B cho đến nay.

Đối với phần hụi bà tham gia với ông B, thực tế bà đã hốt ở lần thứ hai và ông B giao với số tiền tương ứng của 31 phần. Phần hụi này tính đến khi mãn hụi bà thiếu tiền hụi chết của ông B là 15 lần.

Như vậy, đối trừ số tiền hụi đóng 15 lần cho bà L để giao lại cho ông B và số lần hụi chết còn thiếu ông B thì các bên không còn thiếu nợ nhau.

Do ông B đã khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với số tiền hụi chết bà thiếu của ông B bằng vụ án khác, theo đó Tòa án đã xét xử hai lần và buộc bà phải trả tổng số tiền của 15 lần hụi chết là 75.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết thể hiện bà L gom tiền phần hụi của bà tham gia và giao lại cho ông B. Do ông B, bà N2 đứng tên giấy hụi nên bà không yêu cầu bà L trả (do hiện nay bà L không có tài sản) mà yêu cầu ông B, bà N2 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng tương ứng với 15 lần đã đóng hụi cho bà N2.

** Theo văn bản giải trình, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của ông Lê Thanh B thể hiện:*

Ông B thừa nhận có mở dây hụi vào ngày 25/01/2017, loại 5.000.000 đồng/tháng, bà N1 có tham gia 01 phần (ghi tên là Út Nhung), dây hụi này ban đầu gồm 31 phần đã lập danh sách hụi viên bằng đánh máy; bà N1 hốt ở lần thứ hai, số tiền tương ứng giao cho bà N1 là 31 phần.

Khi ông mở dây hụi này, ban đầu bà L gửi tham gia dùm 05 phần, bà L tham gia 01 phần, 01 tháng sau gửi thêm 02 phần, tổng cộng là 08 phần (gồm: Bà L 02 phần, Tiền 01 phần, Út Tuấn 02 phần, 8 Khái 01 phần, Trang (Chúc) 01 phần và anh Đông 01 phần), trong các phần hụi của bà L giao không có tên bà N1. Các bên

thỏa thuận, ông trực tiếp giao dịch với bà L, bà L có trách nhiệm gom của 08 phần hội giao lại. Thời gian sau, các hội viên này biết nên đã trực tiếp đóng hội cho ông B.

Sau khi bà N1 hốt hội, phát sinh thêm 03 phần (trong đó có phần hội do chị Huỳnh Ngọc Lệ chơi dùm người thiếu út của chị Lệ) nên đã viết tay bổ sung trong danh sách thành 34 phần.

Đối với bà N1 sau khi hốt hội, bà N1 đóng đến lần thứ 16 thì không đóng phần còn lại nên ông đã khởi kiện yêu cầu tại Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi và đã được xét xử tại hai Bản án buộc bà N1 phải trả tổng số tiền hội còn thiếu của 15 lần là 75.000.000 đồng.

Ông không biết việc bà N1 đóng tiền hội cho bà L và ông không nhận khoản tiền nào từ bà L liên quan đến bà N1 nên không đồng ý theo yêu cầu của bà N1.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của bà Cao Thị L thể hiện:*

Khi ông B, bà N2 mở dây hội nhưng chưa đủ người nên yêu cầu bà kêu thêm 10 phần tham gia (thực tế bà không có mở hội). Bà lập danh sách viết tay 10 phần hội (gồm 08 người) giao cho ông B; ông B lập danh sách hội viên đưa cho bà giao lại cho hội viên. Số phần hội này, bà đi gom tiền trực tiếp về giao lại cho ông B hàng tháng, khi giao tiền cho ông B không ký nhận và không làm giấy tờ, sau đó các hội viên này đến nhà ông B khai hội và hốt thì ông B giao tiền cho họ.

Đến ngày 25/4/2018 bà đình hội nên không đi gom; bà L cùng bà N1 đến gặp ông B thỏa thuận, để ông B đi gom phần hội của bà N1 (việc thỏa thuận này không có làm giấy tờ), ban đầu ông B đồng ý nhưng sau đó thay đổi không đồng ý gom phần hội của bà N1.

Do phát sinh tranh chấp nên bà N1 yêu cầu đến ấp Thuận Long, xã Tân Tiến hòa giải, khi này ông B thừa nhận bà N1 có tham gia trong dây hội nên địa phương yêu cầu ông B có trách nhiệm với bà N1.

Do bà gom tiền của bà N1 giao cho ông B nên ông B, bà N2 phải có nghĩa vụ giao lại số tiền mà bà đã gom của bà N1.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Cẩm N1 buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị N2 trả số tiền hội là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N1 phải chịu 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền 937.500 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009200 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi thì bà N1 còn phải nộp số tiền còn lại là 937.500 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06-9-2019, bà Quách Cẩm N1 kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Quách Cẩm N1, buộc ông Lê Thanh B phải trả cho bà N1 số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Quách Cẩm N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N1 cho rằng chân hụi bà đã hốt là chân hụi đứng tên Út Nhung (thứ tự 19) do bà L thỏa thuận với ông B đưa qua; còn chân hụi bà N1 tự chơi với ông B đứng tên “Thiếu Út” thứ tự 32 trong danh sách hụi. Chân hụi thứ 32 bà N1 hốt còn nợ ông B 75.000.000 đồng. Nay do chân hụi số 19 đứng tên Út Nhung còn lại bà N1 chưa hốt, đã đóng cho bà L hụi sống đến kỳ thứ 15 x 5.000.000 đồng = 75.000.000 đồng, buộc ông B và bà N2 phải trả lại tiền này cho bà N1.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Cẩm N1

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quách Cẩm N1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Quách Cẩm N1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bà Quách Cẩm N1 và bà Cao Thị L từ cấp sơ thẩm thể hiện: Bà N1 tham gia 01 phần của dây hụi 5.000.000 đồng/tháng của bà L mở vào tháng 02/2017 (nhưng tại phiên tòa bà N1, bà L xác định mở dây hụi vào ngày 25/01/2017), chân hụi trên do bà L kêu 10 phần không đủ mở dây hụi nên đã thỏa thuận với ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị N2 nhập chung các phần hụi của bà L làm chủ vào dây hụi loại 5.000.000 đồng/tháng của ông B, bà N2 mở ngày 25/01/2017. Bà L có trách nhiệm gom tiền hàng tháng của 10 phần (có phần hụi của bà N1 thứ tự số 19) giao lại cho ông B. Sau khi bà L gom được 15 lần thì các bên thỏa thuận để ông B, bà N2 trực tiếp gom của các hụi viên (trong đó có chân hụi số 19) và được ông B, bà N2 đồng ý. Sau đó, ông B thay đổi không đồng ý gom phần hụi của bà N1 mà bà L giao lại.

[3] Từ cấp sơ thẩm, ông B cho rằng, ông có mở dây hụi loại 5.000.000 đồng/tháng vào ngày 25/01/2017, ban đầu gồm có 31 phần (đánh máy) (Bút lục số 123) sau đó bổ sung thêm 03 phần (32: Thiếu Út, 33: Dì 6 Mai, 34: Anh Đông), nên đã viết tay bổ sung thành 34 phần; ông B xác định 03 phần bổ sung

này không có chân hụi của bà N1 do bà L đưa qua (chân hụi số 32 là của người khác); nhưng bà N1 có tham gia 01 phần ngay từ đầu và ghi tên trong danh sách là Út Nhung (thứ tự số 19) ghi tên danh sách đánh máy, hụi khui đến kỳ thứ 2 thì bà N1 đã hốt và ông B giao tiền cho bà N1 tổng số 31 phần (thời điểm hốt trước khi bổ sung 03 phần hụi sau). Đối với bà L gửi tham gia 08 phần bao gồm: Bà L 02 phần, Tiền 01 phần, Út Tuấn 02 phần, 8 Khải 01 phần, Trang (Chúc) 01 phần và anh Đông 01 phần. Theo ông B, các bên thỏa thuận, bà L có trách nhiệm gom hụi của 08 phần giao lại cho ông B. Khi biết bà L gom tiền giao cho ông B thì các hụi viên trực tiếp đến đóng cho ông B; không có thỏa thuận để ông B đi gom các phần hụi của bà L giao; việc bà N1 tham gia và đóng hụi cho bà L như thế nào thì vợ chồng ông B, bà N2 không biết và ông không nhận khoản tiền nào từ bà L liên quan đến bà N1.

[3.1] Theo Danh sách hụi viên do bà N1 cung cấp (Bút lục số 123) có trong hồ sơ thì ông B thừa nhận đây là danh sách ông đã cung cấp cho các hụi viên. Trong danh sách hụi này, bà N1 và ông B đều xác định bà N1 tham gia 01 phần với tên là “Út Nhung” (thứ tự số 19). Bà N1 đã hốt phần hụi này ở kỳ thứ 2, do phát sinh tranh chấp nên bà N1 không đóng hụi chết khi hốt chân hụi số 19 của vợ chồng ông B, nên ông B, bà N2 đã khởi kiện bà N1 chân hụi số 19 và được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 buộc bà N1 trả số tiền 30.000.000 đồng và Bản án dân sự phúc thẩm số: 86/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 buộc bà N1 phải trả tiếp số tiền 45.000.000 đồng. Theo đó, hai Bản án này đều xác định chân hụi bà N1 hốt đều là do bà N1 tự chơi số thứ tự 19, đây hụi có 31 chân (có kèm theo giấy giao hụi 31 chân). Sau khi xét xử, bà N1 cũng không có kháng cáo hai Bản án này, bà N1 thống nhất số tiền còn thiếu nhưng yêu cầu được cân trừ số tiền hụi bà đã đóng cho bà L giao lại cho ông B.

[3.2] Trong danh sách hụi này, phần ghi bút mực bổ sung số thứ tự 32 tên là “Thiếu út”. Từ cấp sơ thẩm, theo bà N1, do bà là “Thiếu út” của ông B nên ông B đã ghi trong danh sách là “Thiếu út” là phần hụi của bà đã tham gia từ bà L giao lại. Ông B không thừa nhận phần hụi số 32 là phần hụi của bà N1. Theo đó ông B và chị Huỳnh Ngọc Lệ xác định đây là phần hụi chị Lệ chơi dùm cho người “Thiếu út” của chị Lệ tên là bà Võ Thị Hà, trú tại ấp Minh Hùng, xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi nên khi lập danh sách ông B ghi là “Thiếu út”, tuy nhiên do hiện nay bà Võ Thị Hà đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, nên án sơ thẩm không thu thập được lời khai trực tiếp của bà Võ Thị Hà. Lẽ ra, từ đầu bà N1 xác định bà tham gia chơi hụi với ông B, trong danh sách đã ghi “Út Nhung”, nếu ông B ghi không đúng tên, thì bà phải yêu cầu ông B điều chỉnh lại, nhưng suốt quá trình chơi hụi bà N1 không đề cập gì vấn đề này, trong khi bà L đã xác định trong danh sách ghi “Thiếu út” (chân thứ 32) là phần hụi của bà N1 tham gia do bà L đưa qua, nhưng không được ông B thừa nhận; đồng thời chính bản thân bà N1 cũng không thừa nhận chân thứ 32 do bà L đưa qua (bà N1 xác định chân thứ 19 mới do bà L đưa qua). Bà N1 cho rằng bà hốt chân hụi 32 tự chơi chứ không phải chân hụi số 19, nên cuối dòng biên nhận giao hụi có ghi tên “Thiếu út”. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N1 có đưa ra giấy hốt hụi (bản phô

tô), tại cấp phúc thẩm bà N1 xác định giấy hốt hui ghi tên “Thiếu út” bản chính do bà cất giữ bị mất nên không cung cấp cho Tòa án được. Đối với ông B xác định giấy hốt hui ghi 31 chân, không có chân 32 thì bà N1 không thể nói bà hốt chân 32 ghi là “Thiếu út”, ông B cũng khẳng định giấy đó ông ghi khi bà N1 hốt hui chân số 19, còn chữ “Thiếu út” ở cuối dòng ông B không có ghi (Bút lục số 60). Bà N1 cho rằng chữ “Thiếu út” và “Út Nhung” là cùng một người, nhưng xét lời trình bày của bà có mâu thuẫn với lời trình bày của ông B, bà L, cũng như sự đồng ý không kháng cáo của bà N1 tại hai Bản án đã xét xử xác định bà N1 còn nợ ông B chân hui đã hốt số 19. Đồng thời, quá trình khởi kiện, kháng cáo, bà N1 cũng không chứng minh được cho yêu cầu khởi kiện của bà (việc chuyển giao hui bà N1, bà L chỉ trình bày bằng lời nói), nên án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của bà N1 là có căn cứ.

[4] Đối với chân hui của bà N1 chơi với bà L, bà L có gom tiền hui của bà N1 15 lần như trình bày của hai đương sự. Tuy nhiên, việc bà N1, bà L khai đã gom và giao tiền hui cho ông B 15 lần thì các bên thỏa thuận để cho ông B gom tiền hui của bà N1 nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án điều này không được ông B thừa nhận. Tại buổi hòa giải tại địa phương (ấp Thuận Long A, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi) thể hiện tại biên bản ngày 08-7-2018 ông B không ký tên, nhưng biên bản có ghi ý kiến ông B là không chấp nhận chân hui của bà N1 do bà L đưa qua. Lý do ông B không ký tên vào biên bản, tại phiên tòa phúc thẩm ông B cũng xác định việc Ban hòa giải buộc ông có trách nhiệm với chân hui bà L cho rằng của bà N1 do bà L đưa qua, ông B không đồng ý nên đã không ký tên. Xét thấy, nếu giữa bà N1 với bà L không thỏa thuận được việc thanh toán chân hui mà Nhung cho rằng bà L đưa qua cho ông B 15 lần này, thì bà N1 có quyền kiện đòi bà L ở một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[5] Từ nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quách Cẩm N1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm, bà N1 phải chịu 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), đối trừ số tiền 937.500 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009200 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, thì bà N1 còn phải nộp số tiền còn lại là 937.500 đồng. Án phí phúc thẩm: Bà Quách Cẩm N1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Quách Cẩm N1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Cẩm N1 buộc ông Lê Thanh B và bà Nguyễn Thị N2 trả số tiền hui là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Quách Cẩm N1 phải chịu 1.875.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), đã dự nộp số tiền 937.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0009200 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, bà N1 còn phải nộp số tiền còn lại là 937.500 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà N1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số: 0009860 ngày 06-9-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

